

A/ Mục tiêu cần đạt :

1/Kiến thức:

- Kiến thức liên quan đến đọc hiểu văn bản.
- Giúp hs nắm yêu cầu của bài văn nlvh.
- Học sinh thấy được những mặt được và chưa được của bài làm mình, từ đó biết cách khắc phục để bài viết sau đạt khá, tốt.

2/Kĩ năng:

- Viết bài văn nl vh.
- Học hỏi từ bài làm của bạn, thầy cô.

3/Thái độ :

- Thái độ đúng đắn với kết quả bài làm.
- Biết nhận ra ưu điểm và hạn chế bản thân...

4/Năng lực:

- a.Năng lực chung:**Hợp tác để có kết quả tốt.
Thu thập kiến thức...

b.Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ
- Năng lực viết văn nghị luận
- Năng lực suy xét vấn đề...

II/Chuẩn bị :

1/GV: Thiết kế tiết trả bài,bài làm hs,stk

2/HS:Bài làm,...

III/Tổ chức hoạt động dạy học:

1/ Ổn định lớp.

2/ Thực hiện việc trả bài và sửa bài:

GV	HĐ của HS	Nội dung cần đạt
HĐ1: Giúp hs xác định yêu cầu đề ở phần đọc hiểu. HĐ 2:Giúp HS xác định yêu cầu viết bài văn nghị luận văn học - Từ đề, bài viết đã làm em hãy cho biết tl, nội dung, tư liệu để thực	HS làm việc cá nhân Hs nêu yêu cầu ht,nd HS: Xác định thể loại, tư liệu thực hiện.	I Đọc hiểu (Đã có phần HDC) II/ Viết. 1.Mở bài Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, vấn đề cần nghị luận. 2. Thân bài + Cốt truyện, cách tổ chức sắp xếp cốt truyện: ● Cốt truyện: được kể bằng vài sự việc khá đơn giản: chồng và mẹ chồng Dần đến xin dâu – đưa Dần về nhà chồng; cảnh đưa dâu “<i>vén vẹn có sáu người, cả nhà gái, nhà trai ... đi lủi thủi trong sương lạnh và bóng tối như một gia đình xẩm</i>”; kết thúc câu chuyện là những lời từ biệt nghẹn ngào, xót xa của hai bố con Dần sau bữa cơm vội vã ở nhà chồng. □ Cốt truyện tương đối đơn giản nhưng lại có chiều sâu, đa nghĩa và có sức ám ảnh lớn, gây xúc động mạnh cho người đọc. ● Cách tổ chức sắp xếp cốt truyện: đơn giản; chọn điểm nhìn, ngôi kể hợp lí...

hiện bài làm. HD3: Giúp hs nắm dàn ý cho bài văn NLVH. - Yêu cầu hs đưa ra dàn ý? GV : Nhận xét đưa ra dàn ý chung	HS thể hiện cặp đôi trình bày dàn ý . HS lắng nghe , ghi chép HS : Chú ý HS trả lời. Hs : Lắng nghe ghi chép.	□ Câu chuyện hiện lên chân thực, cảm động về một đám cưới “chạy đỏi” ở nông thôn Việt Nam trước Cách mạng; vừa tạo nên chất trữ tình, sâu lắng vừa làm nên chiều sâu tư tưởng cho câu chuyện. + Tình huống truyện: Nam Cao đã xây dựng tình huống truyện trớ trêu: Đám cưới của Dần – một cô bé sinh ra trong gia đình nông dân nghèo khổ phải lấy chồng để trả món nợ gia đình. Đám cưới của Dần không phải là ngày hạnh phúc mà là ngày chia lìa chị em, gia đình. Từ tình huống đó, chủ đề câu chuyện và tính cách nhân vật được thể hiện rõ nét. + Ngôi kể và điểm nhìn: ● Ngôi kể thứ ba – người kể chuyện là người ngoài cuộc, không tham gia vào câu chuyện, nhưng biết hết mọi việc. Cách kể này giúp người kể có thể kể chuyện một cách linh hoạt, tự do những gì diễn ra với nhân vật □ khiến câu chuyện có độ chân thực, tin cậy. ● Điểm nhìn có sự dịch chuyển từ nhân vật chính đến vị trí người quan sát, kể chuyện kết hợp điểm nhìn bên ngoài và bên trong □ khiến cho câu chuyện trở nên sinh động, hấp dẫn, giúp khắc họa rõ nét tính cách nhân vật, qua đó gửi gắm nhiều thông điệp sâu sắc. + Xây dựng nhân vật điển hình: Qua nhân vật Dần, Nam Cao không chỉ khắc họa số phận cá nhân mà còn phản ánh một cách sâu sắc thân phận khốn khổ của biết bao mảnh đời tăm tối trong hiện thực xã hội lúc bấy giờ. + Giọng điệu trần thuật: tự nhiên, linh hoạt; sâu lắng, xót xa, thương cảm (Nhà văn nhập vai vào từng nhân vật). ... - Đánh giá: + Lối kể chuyện độc đáo, ngôn từ bình dị, gần gũi; cách xây dựng câu chuyện và nhân vật tinh tế tạo nên sức hấp dẫn và gợi cảm xúc giúp cho người đọc cho thấy sự sắc sảo, già dặn trong nghệ thuật kể chuyện của Nam Cao. + Người đọc có thể thấy được hoàn cảnh éo le, đau khổ của Dần hay chính là những người nông dân trước Cách mạng tháng tám năm 1945. 3. Kết bài: Khái quát lại vấn đề <u>VI/ Đọc đáp án</u> .(Đã có phần trước) <u>VII/ Nhận xét, chữa lỗi bài làm hs</u> <u>1/ Nhận xét chung:</u> - Ưu: Xác định thể loại, nắm kiểu bài , biết viết đoạn, bài văn làm rõ vấn đề - Nhược: Bài viết sơ sài .Chưa xác định luận điểm, luận cứ...Diễn đạt vụng, tối nghĩa . <u>2/ Chữa lỗi:</u> a/ Chữa lỗi dùng từ, chính tả, từ đúng nghĩa, từ dùng có tính chất linh hoạt...
--	--	--

HD4: GV thông qua đáp án, biểu điểm . HD5: Gv cần giúp hs thấy được ưu + nhược điểm bài làm. Chỉ ra lỗi và chữa lỗi. Bài làm của em ... ntn? GV: lần lượt chỉ ra ưu ,khuyết chung cho bài viết. -Sau đó chỉ ra lỗi và sửa các loại lỗi. HD6: GV cho các hs chấm bài nhau . HD7: Đọc bài viết hay để giúp hs học hỏi, bổ sung kiến thức .	HS 2 tổ ngồi gần đôi bài, đọc-cho điểm. HS lắng nghe, ghi chép nếu cần .	b/ Chữa lỗi ngữ pháp: Câu rõ nghĩa, chấm câu, câu đầy đủ thành phần, các thành phần câu rõ ràng.... c/ Chữa lỗi diễn đạt: Phải rõ nghĩa ,trôi chảy tránh sự vụng về . Khi trình bày không được gạch đầu dòng. d/ Lỗi về nội dung: Xác định được vấn đề nghị luận,từ đó làm rõ vấn đề nghị luận . <u>3/Kết quả chung;</u> 12/1: TTB= , DTB= 12/5: TTB= , DTB= <u>VIII/Đối chiếu bài làm:</u> Giữ các hs trong lớp. <u>IX/ Đọc bài viết hay + tư liệu (nếu có)</u> GV đọc mẫu các đoạn văn bài viết hay HS nghe (có thể ghi chép)
---	--	--

IV/Hướng dẫn học bài:

-Cách thức làm bài văn nghị luận vh?

SỞ GD & ĐT QUẢNG NAM
TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỀN

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN 12
Năm học: 2024 – 2025

(Đề thi gồm có 02 trang)

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

[...] Một trong những điều tử tế của chúng ta trong quan hệ với mọi người là giữ được đức tính khiêm tốn của bản thân mình. Tuy nhiên, nhiều người thường đánh đồng đức tính khiêm tốn với sự yếu đuối. Thật ra phải nói ngược lại mới đúng. Khiêm tốn như thói nam châm thu hút thiện chí của mọi người và làm nên giá trị của con người.

Khiêm tốn không phải là một hành động, mà là một thái độ. Đó là thái độ biết tôn trọng người khác hơn là đề cao bản thân. Người khiêm tốn là người biết lắng nghe một cách chân thành. Họ quan tâm đến người khác mà không bận tâm đến các yếu tố xung quanh như địa vị, sang hèn, thành công, thất bại... Đối với họ, lắng nghe để hiểu tâm tư tình cảm, hoàn cảnh của người khác là một mong muốn tự thân, là một quá trình của cảm xúc chứ không phải chỉ là một hành động đơn thuần biểu hiện ra bên ngoài.[...]

(Trích Điều kì diệu của thái độ sống – Mac Anderson- ThuVienSach.vn- Nxb Tổng Hợp TP. Hồ Chí Minh)

Trả lời các câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1: (1.0 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2: (1.0 điểm) Theo tác giả, *một trong những điều tử tế của chúng ta trong quan hệ với mọi người là gì?*

Câu 3: (1.0 điểm) Việc sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong câu: *Khiêm tốn như thời nam châm thu hút thiện chí của mọi người và làm nên giá trị của con người* có tác dụng như thế nào?

Câu 4: (1.0 điểm) Từ đoạn trích trên, anh/chị rút ra được điều gì bổ ích cho bản thân?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm).

Từ đoạn trích ở phần Đọc hiểu, kết hợp với những hiểu biết của bản thân, hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) bàn về sự cần thiết phải có đức tính khiêm tốn ở thế hệ trẻ.

Câu 2. (4,0 điểm).

Viết bài văn (600 chữ) so sánh hai đoạn thơ sau:

Thơ tình người lính biển (Trần Đăng Khoa)	Cuộc chia ly màu đỏ (Nguyễn Mỹ)
Anh ra khơi Mây treo ngang trời những cánh buồm trắng Phút chia tay, anh dạo trên bến cảng Biển một bên và em một bên Biển ồn ào, em lại dịu êm Em vừa nói câu chi rồi mỉm cười lặng lẽ Anh như con tàu lắng sóng từ hai phía Biển một bên và em một bên Ngày mai, ngày mai khi thành phố lên đèn Tàu anh buông neo dưới chùm sao xa lắc Thăm thẳm nước trời, nhưng anh không cô độc Biển một bên và em một bên [...]	[...]Tôi nhìn thấy một cô áo đỏ Tiễn đưa chồng trong nắng vườn hoa Chồng của cô sắp sửa đi xa Cùng đi với nhiều đồng chí nữa Chiếc áo đỏ rực như than lửa Cháy không nguôi trước cảnh chia ly Vườn cây xanh và chiếc nón trắng kia Không giấu nổi tình yêu cô rực cháy. Không che được nước mắt cô đã chảy Những giọt long lanh nóng bỏng, sáng ngời Chảy trên bình minh đang hé giữa làn môi Và rạng đông đang bùng trên nét mặt - Một rạng đông với màu hồng ngọc - [...]

Chú thích:

- Trần Đăng Khoa sinh năm 1958, quê ở Hải Dương, là một nhà thơ, nhà báo. Ông được mệnh danh là "Thần đồng thơ trẻ". Nhà thơ Trần Đăng Khoa bắt đầu sáng tác từ rất sớm, năm 8 tuổi ông đã có một số sáng tác được in trên báo. Thơ của ông không chỉ tươi trẻ và trong sáng mà còn sắc sảo, giống như những bài đồng dao với cách viết chữ uyển chuyển và lời cuốn. Trong những tác phẩm của ông, âm nhạc không chỉ là giai điệu của tâm hồn mà còn có khả năng tạo hình và tạo nghĩa rất tinh tế. Những tác phẩm chính của Trần Đăng Khoa: "Góc sân và khoảng trời" (thơ, tái bản nhiều lần), "Khúc hát người anh hùng" (trường ca, năm 1974), "Bên cửa sổ máy bay" (thơ, năm 1986), "Thơ tuyển Trần Đăng Khoa" (năm 1970),...

“Thơ tình người lính biển” được nhà thơ Trần Đăng Khoa sáng tác năm 1981, khi ông đang là lính hải quân. Bài thơ nói về sự chia tay giữa người lính hải quân với người yêu trên bến cảng.

- Nguyễn Mỹ (1935 - 1971) quê tại Phú Yên. Nguyễn Mỹ gia nhập quân đội từ khi mới 16 tuổi, chiến đấu tại chiến trường Nam Trung bộ. Năm 1954 tập kết ra Bắc, làm nhạc công trong đoàn văn công Tây Nguyên, đi học trường báo chí rồi về làm biên tập sách ở NXB Phổ Thông. Một số tác phẩm tiêu biểu: *Trận Quán Cau* (1954), *Cuộc chia ly màu đỏ* (thơ in chung, 1980), *Thơ Nguyễn Mỹ* (32 bài, có 17 bài di cảo, 1993).

Bài thơ “Cuộc chia ly màu đỏ” được viết vào năm 1964, năm đầu tiên giặc Mỹ đem máy bay đánh phá miền Bắc. Chiến trường miền Nam đang đánh và thắng lớn, kêu gọi lớp lớp thanh niên lên đường vào mặt trận. Những cuộc chia tay, tiễn đưa người lính ra chiến trường diễn ra từng ngày, từng giờ, làm xao xuyến trái tim thi sĩ.

----- HẾT -----

SỞ GD & ĐT QUẢNG NAM
TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỀN

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN 12
Năm học: 2024 – 2025

(Hướng dẫn chấm gồm có 06 trang)

GỢI Ý ĐÁP ÁN- HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Phương thức Nghị luận/ Nghị luận Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	1,0
	2	Theo tác giả, một trong những điều tử tế của chúng ta trong quan hệ với mọi người là giữ được đức tính khiêm tốn của bản thân mình. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0,0 điểm	1,0
	3	*Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu văn: - Làm cho câu văn có tính hình tượng và sinh động hơn.	1,0

		- Nhấn mạnh và giúp người đọc hiểu rõ vai trò và ý nghĩa của đức tính khiêm tốn. Hướng dẫn chấm: - Trả lời y như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 1 ý: 0,5 điểm - Trả lời không đúng như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm	
	4	Học sinh tự do bày tỏ quan điểm, miễn là hợp lí. Một số gợi ý: - Cần phải khiêm tốn. - Biết lắng nghe, hiểu và chia sẻ với mọi người. - ... Hướng dẫn chấm: - Trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời tương đương như đáp án nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,5 - 0,75 điểm - Trả lời sơ sài : 0,25 điểm - Không trả lời: 0,0 điểm. Lưu ý: Câu này GV linh hoạt cho điểm	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Từ đoạn trích ở phần Đọc hiểu, kết hợp với những hiểu biết của bản thân, hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) bàn về sự cần thiết phải có đức tính khiêm tốn ở thế hệ trẻ.	2,0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 150 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Bàn về sự cần thiết phải có đức tính khiêm tốn ở thế hệ trẻ.	0,25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý: * Giải thích: Khiêm tốn là gì? * Bàn luận: - Khiêm tốn là một đức tính cần thiết mà mỗi người cần rèn luyện, đặc biệt là ở thế hệ trẻ. - Là nền tảng để chúng ta đạt được những thành công bền vững và ý nghĩa trong cuộc đời. - Giúp chúng ta luôn biết nhìn nhận bản thân một cách khách quan từ đó xây dựng mối quan hệ tốt đẹp trong xã hội; ... * Mở rộng: - Cần phân biệt khiêm tốn với tự ti. - Người không có tính khiêm tốn sẽ dễ sinh ra tự phụ, chủ quan... * Suy nghĩ của bản thân/ bài học rút ra Hướng dẫn chấm: - Học sinh đề xuất và sắp xếp hợp lí từ 02 ý trở lên: 0,5 điểm. - Học sinh đề xuất 01 ý: 0,25 điểm. - Học sinh không đề xuất hoặc trả lời không đúng yêu cầu: 0,00 điểm	0,5
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:	0,5

		- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục, lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ quan điểm của cá nhân nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Hướng dẫn chấm: - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng: 0,5 điểm - Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục; lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp: 0,25 điểm	
		đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn. Hướng dẫn chấm: - Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận; có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.	0,25
	2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh hai đoạn thơ: Thơ tình người lính biển (Trần Đăng Khoa) và Cuộc chia ly màu đỏ (Nguyễn Mỹ).	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Điểm giống nhau và khác nhau giữa hai đoạn thơ: Thơ tình người lính biển (Trần Đăng Khoa) và Cuộc chia ly màu đỏ (Nguyễn Mỹ). Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề nghị luận: 0,5 điểm - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm	0,5
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết: - Xác định được ý chính của bài viết. - Sắp xếp các ý theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm, vấn đề cần nghị luận. * Triển khai vấn đề cần nghị luận: - Điểm tương đồng giữa hai đoạn thơ: + Về nội dung:	1,0

	Đề tài: Tình yêu người lính. Chủ đề: Ca ngợi tình yêu người lính. Cảm xúc chủ đạo: Nỗi buồn, nỗi nhớ. + Về nghệ thuật: Thể thơ: Tự do. Giọng điệu: Da diết, trầm buồn. - Điểm khác biệt giữa hai đoạn thơ: <i>Về nội dung:</i> + Khác nhau về cảm xúc, sắc thái của nỗi buồn: Sự nhẹ nhàng, tĩnh lặng trong cảm xúc của người lính biển (Trần Đăng Khoa). Sự dữ dội, mãnh liệt trong cảm xúc của người vợ tiễn chồng trong cuộc chia li màu đỏ (Nguyễn Mỹ). + Khác nhau trong hình ảnh chủ đạo, trong việc làm nổi bật tư tưởng, tình cảm của 2 bài thơ: Hình ảnh "Biển một bên và em một bên" trong bài thơ “Thơ tình người lính biển” của Trần Đăng Khoa – sự cân bằng, nhẹ nhàng của tình yêu và trách nhiệm, là biểu tượng của sức mạnh của tình yêu. Hình ảnh “chiếc áo đỏ” trong bài “Cuộc chia ly màu đỏ” của Nguyễn Mỹ – sự cháy bỏng, khắc khoải của tình yêu và nỗi đau chia ly. ☐ cách thức khắc họa cảm xúc, tư tưởng rất khác nhau, tạo nên hai phong vị đặc trưng, một trầm lắng và một mãnh liệt. <i>Về nghệ thuật:</i> + Từ ngữ, hình ảnh: “Thơ tình người lính biển” sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh giàu chất lãng mạn, nhẹ nhàng với nhịp điệu chậm rãi, trầm lắng tạo cảm giác tĩnh lặng và suy tư sâu lắng. “Cuộc chia ly màu đỏ” lại sử dụng ngôn ngữ mạnh mẽ, trực diện, với những hình ảnh giàu tính biểu cảm tạo nên sự căng thẳng, dữ dội về cảm xúc. + Bút pháp nghệ thuật: “Thơ tình người lính biển” của nhà thơ Trần Đăng Khoa xuyên suốt bài thơ là biện pháp điệp cấu trúc “Biển một bên và em một bên” làm hiện lên hình ảnh biển và em luôn tồn tại song song, khăng khít, không bao giờ tách rời như tình yêu Đất Nước và tình yêu em. “Cuộc chia ly màu đỏ” của nhà thơ Nguyễn Mỹ nổi bật với biện pháp so sánh và ẩn dụ “Chiếc áo đỏ rực như than lửa” bộc lộ tình yêu, sự đau đớn tột cùng của người vợ với người chồng của mình. - Lí giải sự tương đồng và khác biệt:	
--	--	--

	+ Lí giải sự tương đồng: Chủ đề ca ngợi tình yêu là chủ đề quen thuộc, mang tính biểu tượng khi viết về tình yêu. Bởi thời nào cũng vậy, tình yêu luôn là thứ tuyệt vời và thiêng liêng, để rồi mỗi khi nhà thơ chấp bút viết nên những vần thơ đều dành một khoảng trời nhỏ để ca ngợi nó + Lí giải sự khác biệt: Sự khác nhau trong cảm xúc nhẹ nhàng và mạnh mẽ khi chia xa người yêu trong hai đoạn thơ là sự khác nhau của điểm nhìn và hoàn cảnh. * Đánh giá: - Dù khác hay giống nhau thì cả hai bài thơ đều thật xuất sắc khi tái hiện vẻ đẹp sâu sắc của tình yêu trong thời chiến. - Cả hai bài thơ là những vần thơ viết lên nỗi đau chia ly, một nỗi đau không thể tránh khỏi khi người ở lại và kẻ ra đi đều phải đối mặt với sự không chắc chắn về tương lai. - Mỗi đoạn thơ mang vẻ đẹp riêng thể hiện tài năng, phong cách độc đáo của mỗi tác giả. Hướng dẫn chấm: - <i>Phân tích đầy đủ nội dung, nghệ thuật, triển khai rõ ràng, mạch lạc: 0,75 điểm - 1,0 điểm</i> - <i>Phân tích được một số nét chính về nội dung, triển khai ý không mạch lạc: 0,5 điểm</i> - <i>Phân tích chung chung, không biết cách triển khai ý: 0,25 điểm</i>	
	d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Triển khai được ít nhất hai luận điểm - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng. Hướng dẫn chấm - <i>Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng: 1,5 điểm</i> - <i>Lập luận chưa chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ chưa xác đáng; dẫn chứng chưa tiêu biểu, phù hợp: 1,0 - 1,25 điểm</i> - <i>Lập luận chưa chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ thiếu xác đáng; chưa có sự kết hợp lí lẽ và dẫn chứng: 0,5 – 0,75 điểm</i> - <i>Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục; lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp: 0,25 điểm</i>	1,5
	đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
	e. Sáng tạo	0,5

	- Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. - Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc,... Hướng dẫn chấm: - Đáp ứng được 2 yêu cầu: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm. - Không cho điểm nếu bài làm không thể hiện sự sáng tạo.	
Tổng điểm: I+II= 10,0		10,0